

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập ngày 26 tháng 3 năm 1988 theo Quyết định số 53/HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ngân hàng đổi tên từ Ngân hàng Phát triển Nông thôn Việt Nam thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 400/CT ngày 14 tháng 11 năm 1990 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Theo Quyết định số 280/QĐ-NH5 ngày 15 tháng 10 năm 1996 và Quyết định số 1836/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 12 năm 1996, Ngân hàng đã đổi tên một lần nữa thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam như hiện nay. Ngân hàng là doanh nghiệp nhà nước đặc biệt được tổ chức theo mô hình tổng công ty nhà nước, có thời hạn hoạt động là 99 năm.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cho phép.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có trụ sở chính đặt tại số 2 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, ba (3) Văn phòng đại diện, ba (3) đơn vị sự nghiệp, hai (2) Sở (Sở giao dịch và Sở quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ) và một trăm bốn mươi chín (149) chi nhánh loại 1, 2 và 2.074 chi nhánh loại 3 và phòng giao dịch tại khắp các tỉnh và thành phố trên cả nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tóm tắt về kết quả kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần trong năm	2.124.004	1.656.408
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	825.106	645.448

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</i>
Ông Đỗ Tất Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 9 năm 2004
Ông Nguyễn Thế Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 4 năm 2004
Ông Võ Hồng	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 8 năm 2005
Ông Nguyễn Hữu Lương	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 8 năm 2005
Bà Phạm Thị Mai Toan	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 6 năm 2006
Ông Phạm Ngọc Ngoan	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 6 năm 2006

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2008 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Hữu Lương	Trưởng ban	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 10 năm 2005
Bà Phạm Thanh Nguyệt	Phó ban	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 04 năm 2006
Ông Vũ Lập Thành	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 1998
Ông Đào Quốc Tính	Thành viên không chuyên trách (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	
Ông Trần Ngọc Bình	Thành viên không chuyên trách (Bộ Tài chính)	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2008 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng và của các công ty con trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và của các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Tất Ngọc
Chủ tịch

(Đã ký)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 04 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2008 triệu đồng</i>	<i>2007 triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	7.536.845	5.812.128
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	4	28.433.901	17.628.701
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	5	14.285.230	12.139.625
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	5.1	14.030.575	12.109.625
Cho vay các TCTD khác	5.2	254.655	30.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
Chứng khoán kinh doanh	6	51.966	89.401
Chứng khoán kinh doanh		111.389	100.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(59.423)	(10.599)
Các công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác		594	-
Cho vay khách hàng		288.940.827	247.092.136
Cho vay khách hàng	7	294.523.096	251.710.182
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(5.582.269)	(4.618.046)
Chứng khoán đầu tư	9	42.646.385	32.972.471
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	38.447.179	28.503.318
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	4.245.787	4.481.203
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(46.581)	(12.050)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	962.463	678.777
Vốn góp liên doanh	10.1	395.558	132.975
Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	24.768	24.597
Đầu tư dài hạn khác	10.3	724.328	521.207
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(182.191)	(2)
Tài sản cố định	11	3.938.566	2.546.211
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	11.1	3.176.455	2.234.052
Nguyên giá tài sản cố định		5.898.417	4.416.472
Hao mòn tài sản cố định		(2.721.962)	(2.182.420)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	11.2	762.111	312.159
Nguyên giá tài sản cố định		902.361	435.106
Hao mòn tài sản cố định		(140.250)	(122.947)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	12	13.688.406	7.937.412
Lãi dự thu		6.738.659	3.626.072
Tài sản có khác		6.969.378	4.353.940
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(19.631)	(42.600)
TỔNG TÀI SẢN		400.485.183	326.896.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2008 triệu đồng</i>	<i>2007 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13	28.796.131	25.984.841
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14	17.724.840	17.815.726
Tiền gửi của các TCTD khác	14.1	16.243.067	10.244.346
Vay các TCTD khác	14.2	1.481.773	7.571.380
Tiền gửi của khách hàng	15	299.954.030	230.001.067
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	16	11.143.873	8.273.498
Phát hành giấy tờ có giá	17	10.967.197	19.265.660
Các khoản nợ khác		14.101.026	10.036.664
Các khoản lãi, phí phải trả		7.007.493	5.128.079
Thuế phải trả	20	1.041.907	955.990
Các khoản phải trả và công nợ khác	18	5.849.639	3.747.841
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	19	201.987	204.754
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		382.687.097	311.377.456
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD	21	11.207.840	10.734.214
Vốn điều lệ		10.924.334	10.543.461
Vốn đầu tư XDCB		189.489	182.980
Thặng dư vốn cổ phần		17.456	4.699
Cổ phiếu quỹ		(6.723)	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		83.284	3.074
Quỹ của TCTD	21	5.506.940	3.936.610
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		33.122	26.631
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		40.114	-
Lợi nhuận giữ lại		825.106	645.448
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.613.122	15.342.903
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		184.964	176.503
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		400.485.183	326.896.862

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2008 triệu đồng</i>	<i>2007 triệu đồng</i>
Bảo lãnh vay vốn		7.445.452	6.760.295
Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả ngay		5.868.102	11.787.665
Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả chậm		1.179.976	2.189.685
Cam kết bảo lãnh khác		4.623.472	2.384.170
NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	33	19.117.002	23.121.815

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

 Ông Nguyễn Anh Tuấn
 Phó Ban Tài chính và Kế toán

 Ông Nguyễn Quang Thái
 Kế toán Trưởng

 Ông Nguyễn Thế Bình
 Tổng Giám đốc
 (Đã ký)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 04 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2008 triệu đồng</i>	<i>2007 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	45.021.387	29.030.838
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(30.579.995)	(17.137.863)
THU NHẬP LÃI THUẦN		14.441.392	11.892.975
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.412.881	711.271
Chi phí hoạt động dịch vụ		(560.205)	(215.840)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	24	852.676	495.431
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	238.846	67.384
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	(58.139)	-
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	36.183	53.234
Thu nhập từ hoạt động khác	28	4.063.097	3.316.792
Chi phí hoạt động khác		(54.917)	(32.090)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác		4.008.180	3.284.702
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	29	21.667	45.064
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		19.540.805	15.838.790
Chi phí tiền lương		(5.111.540)	(3.676.307)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(635.349)	(543.472)
Chi phí hoạt động khác	30	(3.594.464)	(2.540.004)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(9.341.353)	(6.759.783)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		10.199.452	9.079.007
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8	(7.461.804)	(6.587.703)
(Chi phí)/ hoàn nhập dự phòng chung cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	19	51.119	(194.497)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		2.788.767	2.296.807
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	(666.836)	(640.236)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		6.491	-
Chi phí thuế TNDN		(660.345)	(640.236)
Lợi nhuận sau thuế		2.128.422	1.656.571
Lợi ích của cổ đông thiểu số		(4.418)	(163)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		2.124.004	1.656.408

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Phó Ban Tài chính và Kế toán

Ông Nguyễn Quang Thái
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Thế Bình
Tổng Giám đốc
(Đã ký)

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 04 năm 2009